

Biểu mẫu số 01
DANH SÁCH TUYÊN TRUYỀN VIÊN PHÁP LUẬT XÃ VĨNH TIẾN

STT	Tên xã, thị trấn	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Quyết định công nhận tuyên truyền viên pháp luật (Ghi số, ngày, tháng, năm ban hành Quyết định)
	Xã Vĩnh Tiến			
1		Lê Quang Lai	Xã Vĩnh Tiến	Số 12/QĐ-UBND ngày 26/02/2024
2		Triệu Thị Thọ	Xã Vĩnh Tiến	Số 12/QĐ-UBND ngày 26/02/2024
3		Trương Thị Hà	Xã Vĩnh Tiến	Số 12/QĐ-UBND ngày 26/02/2024
4		Trần Anh Tuấn	Xã Vĩnh Tiến	Số 12/QĐ-UBND ngày 26/02/2024
5		Nguyễn Văn Nam	Xã Vĩnh Tiến	Số 12/QĐ-UBND ngày 26/02/2024
6		Lê Văn Tú	Xã Ninh Khang	Số 12/QĐ-UBND ngày 26/02/2024
7		Phạm Thị Chuyên	Xã Vĩnh Tiến	Số 12/QĐ-UBND ngày 26/02/2024
8		Trương Trọng Thiên	Xã Vĩnh Tiến	Số 12/QĐ-UBND ngày 26/02/2024
9		Trần Thị Lan	Xã Vĩnh Tiến	Số 12/QĐ-UBND ngày 26/02/2024
10		Hoàng Lê Thuỷ	Thị trấn Vĩnh Lộc	Số 12/QĐ-UBND ngày 26/02/2024
11		Lê Văn Tuyên	Xã Ninh Khang	Số 12/QĐ-UBND ngày 26/02/2024

Biểu mẫu số 02
DANH SÁCH HÒA GIẢI VIÊN Ở CƠ SỞ XÃ VĨNH TIẾN

STT	Tên xã, thị trấn	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Tổ hòa giải (ghi rõ địa chỉ)	Trình độ chuyên môn (nếu có)	Quyết định công nhận làm hòa giải viên (Ghi số, ngày, tháng, năm ban hành Quyết định)
	Xã Vĩnh Tiến							
1		Phạm Thị Kim	1961	Nữ	Kinh	Thôn Thỏ Phụ	Trung cấp	Số 05/QĐ-UBND ngày 13/01/2023
2		Trần Thị Tám	1971	Nữ	Kinh	Thôn Thỏ Phụ		Số 05/QĐ-UBND ngày 13/01/2023
3		Nguyễn Đức Hà	1962	Nam	Kinh	Thôn Thỏ Phụ	Cao đẳng	Số 05/QĐ-UBND ngày 13/01/2023
4		Trịnh Thị Bất	1953	Nữ	Kinh	Thôn Thỏ Phụ		Số 05/QĐ-UBND ngày 13/01/2023
5		Nguyễn Thị Thiệp	1964	Nữ	Kinh	Thôn Thỏ Phụ		Số 05/QĐ-UBND ngày 13/01/2023
6		Nguyễn Thị Uy	1963	Nữ	kinh	Thôn Thỏ Phụ	Trung cấp	Số 05/QĐ-UBND ngày 13/01/2023
7		Trần Văn Thống	1964	Nam	Kinh	Thôn Phú Lĩnh	Trung cấp	Số 27/QĐ-UBND ngày 12/4/2024
8		Trần Văn Thụ	1968	Nam	Kinh	Thôn Phú Lĩnh	Sơ cấp	Số 27/QĐ-UBND ngày 12/4/2024
9		Trần Thị Thương	1977	Nữ	Kinh	Thôn Phú Lĩnh		Số 27/QĐ-UBND ngày 12/4/2024
10		Phạm Văn Bắc	1959	Nam	Kinh	Thôn Phú Lĩnh		Số 27/QĐ-UBND ngày 12/4/2024

11		Trần Văn Thụy	1966	Nam	Kinh	Thôn Phú Lĩnh		Số 27/QĐ-UBND ngày 12/4/2024
12		Nguyễn Việt Hùng	1949	Nam	Kinh	Thôn Phú Lĩnh	Trung cấp	Số 27/QĐ-UBND ngày 12/4/2024
13		Phạm Thị Phương	1991	Nữ	Kinh	Thôn Phú Lĩnh	Trung cấp	Số 27/QĐ-UBND ngày 12/4/2024
14		Trịnh Văn Chiến	1967	Nam	Kinh	Thôn Tây Giai		Số 05/QĐ-UBND ngày 13/01/2023
15		Trương Trọng Huy	1965	Nam	Kinh	Thôn Tây Giai		Số 05/QĐ-UBND ngày 13/01/2023
16		Trương Thị Hiên	1990	Nữ	Kinh	Thôn Tây Giai	Đại học	Số 05/QĐ-UBND ngày 13/01/2023
17		Phạm Văn Long	1974	Nam	Kinh	Thôn Tây Giai		Số 05/QĐ-UBND ngày 13/01/2023
18		Trương Thị Lan	1952	Nữ	Kinh	Thôn Tây Giai	Trung cấp	Số 05/QĐ-UBND ngày 13/01/2023
19		Phạm Thị Thảo	1972	Nữ	Kinh	Thôn Tây Giai		Số 05/QĐ-UBND ngày 13/01/2023
20		Phạm Thị Bích	1942	Nữ	Kinh	Thôn Tây Giai		Số 05/QĐ-UBND ngày 13/01/2023
21		Nguyễn Văn Minh	1967	Nam	Kinh	Thôn Tây Giai		Số 05/QĐ-UBND ngày 13/01/2023
22		Tiết Văn Hậu	1958	Nam	Kinh	Thôn Xuân Giai	Đại học	Số 05/QĐ-UBND ngày 13/01/2023
23		Trịnh Văn Nội	1962	Nam	Kinh	Thôn Xuân Giai	Trung cấp	Số 05/QĐ-UBND ngày 13/01/2023
24		Phạm Thị Chi	1971	Nữ	Kinh	Thôn Xuân Giai		Số 05/QĐ-UBND ngày 13/01/2023
25		Dương Minh Tuấn	1993	Nam	Kinh	Thôn Xuân Giai	Trung cấp	Số 05/QĐ-UBND ngày 13/01/2023
26		Lê Thị Yến	1961	Nữ	Kinh	Thôn Xuân Giai		Số 05/QĐ-UBND ngày 13/01/2023

27		Triệu Viết Lượng	1949	Nam	Kinh	Thôn Xuân Giai	Trung cấp	Số 05/QĐ-UBND ngày 13/01/2023
28		Triệu Hùng Mẫn	1967	Nam	Kinh	Thôn Xuân Giai		Số 05/QĐ-UBND ngày 13/01/2023
29		Lê Văn Đức	1959	Nam	Kinh	Thôn Phương Giai		Số 25/QĐ-UBND ngày 12/4/2024
30		Trần Ngọc Sơn	1967	Nam	Kinh	Thôn Phương Giai	Sơ cấp	Số 25/QĐ-UBND ngày 12/4/2024
31		Phạm Thị Dung	1970	Nữ	Kinh	Thôn Phương Giai	Trung cấp	Số 25/QĐ-UBND ngày 12/4/2024
32		Lê Hữu Duyên	1973	Nam	Kinh	Thôn Phương Giai		Số 25/QĐ-UBND ngày 12/4/2024
33		Lê Chí Hùng	1979	Nam	Kinh	Thôn Phương Giai		Số 25/QĐ-UBND ngày 12/4/2024
34		Lê Hữu Vĩnh	1950	Nam	Kinh	Thôn Phương Giai		Số 25/QĐ-UBND ngày 12/4/2024
35		Lê Thị Lan	1973	Nữ	Kinh	Thôn Phương Giai		Số 25/QĐ-UBND ngày 12/4/2024
36		Lê Văn Đê	1953	Nam	Kinh	Thôn Phố Mới		Số 26/QĐ-UBND ngày 12/4/2024
37		Nguyễn Ngọc Dũng	1959	Nam	Kinh	Thôn Phố Mới	Sơ cấp	Số 26/QĐ-UBND ngày 12/4/2024
38		Trịnh Hùng Dũng	1976	Nam	Kinh	Thôn Phố Mới		Số 26/QĐ-UBND ngày 12/4/2024
39		Trần Thị Thuận	1964	Nữ	Kinh	Thôn Phố Mới		Số 26/QĐ-UBND ngày 12/4/2024
40		Đặng Thị Trang	1991	Nữ	Kinh	Thôn Phố Mới	Cao đẳng	Số 26/QĐ-UBND ngày 12/4/2024
41		Trịnh Ngọc Quang	1944	Nam	Kinh	Thôn Phố Mới		Số 26/QĐ-UBND ngày 12/4/2024
42		Phạm Đình Lực	1959	Nam	Kinh	Thôn Phố Mới		Số 26/QĐ-UBND ngày 12/4/2024